

TÀI CHÁNH-VẬT GIÁ
CÔNG VĂN ĐẾN SỐ 135/Đ
NGÀY 21 THÁNG 7 NĂM 2001
CHUYÊN: PXS, DAN, HX, PR, RZ

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

Số: 25 /2001/QĐ-UB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Mỹ Tho, ngày 24 tháng 7 năm 2001

QUYẾT ĐỊNH
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện thoại công vụ
của cán bộ lãnh đạo trong các đơn vị hành chính sự nghiệp, tổ chức chính
trị, tổ chức chính trị - xã hội **ngoài tiêu chuẩn qui định tại Quyết định số**
78/2001/QĐ-TTg ngày 16/5/2001 của Thủ tướng Chính phủ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân (sửa đổi)
được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày
21/6/1994;

Căn cứ Quyết định số 78/2001/QĐ-TTg ngày 16/5/2001 của Thủ tướng
Chính phủ về việc ban hành qui định tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện thoại
cố định tại nhà riêng và điện thoại di động đối với cán bộ lãnh đạo trong các
cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị
xã hội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính - Vật giá tại Tờ trình số
353/TC ngày 20/6/2001.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1 : Nay ban hành kèm theo quyết định này "Bản qui định tiêu
chuẩn trang bị, định mức thanh toán cước phí sử dụng điện thoại cố định tại
nhà riêng và điện thoại di động đối với các chức danh cán bộ lãnh đạo trong
các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, các tổ chức chính
trị - xã hội ngoài tiêu chuẩn qui định tại Quyết định 78/2001/QĐ-TTg ngày
16/5/2001 của Thủ tướng Chính phủ".

Điều 2 :

a)- Những cán bộ đã được trang bị điện thoại công vụ trước đây và
những cán bộ đã được trang bị điện thoại công vụ theo quyết định này, khi
nghỉ hưu hoặc nghỉ công tác:

- Được tiếp tục thanh toán cước phí sử dụng điện thoại cố định tại nhà riêng trong thời gian 3 tháng kể từ ngày có quyết định nghỉ hưu, nghỉ công tác. Sau đó, nếu có nhu cầu tiếp tục sử dụng thì phải làm thủ tục chuyển hợp đồng sử dụng điện thoại cho cá nhân để tự thanh toán cước phí với cơ quan bưu điện.

- Nếu có nhu cầu tiếp tục sử dụng điện thoại di động thì phải làm thủ tục chuyển hợp đồng sử dụng điện thoại cho cá nhân để tự thanh toán cước phí với cơ quan bưu điện từ ngày có quyết định nghỉ hưu, nghỉ công tác.

b)- Những cán bộ đã được trang bị điện thoại cố định tại nhà riêng và điện thoại di động trước đây, nay không thuộc diện được trang bị điện thoại công vụ theo Quyết định 78/2001/QĐ-TTg ngày 16/5/2001 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định này, nếu có nhu cầu tiếp tục sử dụng thì phải làm thủ tục chuyển hợp đồng sử dụng điện thoại cho cá nhân để tự thanh toán cước phí với cơ quan bưu điện.

Điều 3 : Giao Giám đốc Sở Tài chính - Vật giá tổ chức triển khai Quyết định này đến từng cơ quan đơn vị.

Điều 4 : Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính - Vật giá, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Mỹ Tho và thị xã Gò Công căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/8/2001 ./.

Nơi nhận :

- VP CP, Bộ TC | để b/c.
- TTTU
- Như điều 3
- Lưu VT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Việt

BẢN QUY ĐỊNH TIÊU CHUẨN,
ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG ĐIỆN THOẠI CÔNG VỤ

của cán bộ lãnh đạo trong các đơn vị hành chính sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ngoài tiêu chuẩn quy định tại Quyết định 78/2001/QĐ-TTg ngày 16/5/2001 của thủ tướng Chính phủ

(ban hành kèm theo quyết định số 25 /2001/QĐ-UB ngày 24 tháng 7 năm 2001)

STT	ĐƠN VỊ CHỨC DANH	DIỆN THOẠI			GHI CHÚ
		Tại nhà riêng	Mức thanh toán tối đa (đ/tháng)	Di động	
	VĂN PHÒNG TỈNH ỦY				
01	Chánh Văn phòng			x	250.000
02	Phó Văn phòng nghiên cứu tổng hợp	x	100.000	x	250.000
03	Bí thư Đảng ủy DC Đảng	x	100.000	x	250.000
04	Bí thư Đảng ủy Doanh nghiệp	x	100.000	x	250.000
05	PTB thường trực Ban Tổ chức	x	100.000	x	250.000
06	PTB thường trực ban Kiểm tra	x	100.000	x	250.000
07	PTB thường trực Ban Dân vận	x	100.000	x	250.000
08	PTB thường trực Ban Tuyên giáo	x	100.000	x	250.000
	B HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH				
09	Trưởng ban Kinh tế - Ngân sách	x	100.000	x	250.000
10	Trưởng ban Văn hoá Xã hội	x	100.000	x	250.000
11	Trưởng Ban Pháp chế	x	100.000	x	250.000
12	PTB Kinh tế ngân sách	x	100.000		
13	PTB Văn hoá Xã hội	x	100.000		
14	PTB Pháp chế	x	100.000		
	C UBND TỈNH				
15	Chánh Văn phòng			x	250.000
16	Phó Văn phòng nghiên cứu tổng hợp	x	100.000	x	250.000
	D QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC				
	SỞ Y TẾ				
17	Giám đốc			x	250.000
18	Phó Giám đốc thường trực	x	100.000	x	250.000
	SỞ NN& PTNT				
19	Giám đốc			x	250.000
20	Phó Giám đốc thường trực	x	100.000	x	250.000
	SỞ GD & ĐT				

STT	ĐƠN VỊ CHỨC DANH	DIỆN THOẠI				GHI CHÚ
		Tại nhà riêng	Mức thanh toán tối đa	Di động	Mức thanh toán tối đa	
21	Giám đốc			x	250.000	
22	Phó Giám đốc thường trực SỞ THỦY SẢN	x	100.000	x	250.000	
23	Giám đốc			x	250.000	
24	Phó Giám đốc thường trực SỞ CÔNG NGHIỆP	x	100.000			
25	Giám đốc			x	250.000	
26	Phó Giám đốc thường trực SỞ TƯ PHÁP	x	100.000			
27	Giám đốc			x	250.000	
28	Phó Giám đốc thường trực SỞ KHICN & MT	x	100.000			
29	Giám đốc			x	250.000	
30	Phó Giám đốc thường trực Sở VH TT	x	100.000			
31	Giám đốc			x	250.000	
32	Phó Giám đốc thường trực SỞ LDTB XII	x	100.000			
33	Giám đốc			x	250.000	
34	Phó Giám đốc thường trực SỞ THƯƠNG MẠI & DU LỊCH	x	100.000	x	250.000	
35	Giám đốc			x	250.000	
36	Phó Giám đốc thường trực SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI	x	100.000			
37	Giám đốc			x	250.000	
38	Phó Giám đốc thường trực SỞ XÂY DỰNG	x	100.000			
39	Giám đốc			x	250.000	
40	Phó Giám đốc thường trực SỞ ĐỊA CHÍNH	x	100.000			
41	Giám đốc			x	250.000	
42	Phó Giám đốc thường trực SỞ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ	x	100.000			
43	Giám đốc			x	250.000	
44	Phó Giám đốc thường trực SỞ TÀI CHÍNH - VẬT GIÁ	x	100.000	x	250.000	
45	Giám đốc			x	250.000	
46	Phó Giám đốc thường trực	x	100.000	x	250.000	

CHIẾU

STT	ĐƠN VỊ CHỨC DANH	DIỆN TÍCH				CHIẾU
		Tại nhà riêng	Mức thanh toán tối đa	Di động	Mức thanh toán tối đa	
	SỞ THỂ DỤC THỂ THAO					
47	Giám đốc					
48	Phó Giám đốc thường trực ỦY BAN BVCS TRẺ EM	x	100.000	x	250.000	
49	Phó chủ nhiệm thường trực ỦY BAN DÂN SỐ VÀ KHUẾC			x	250.000	
50	Phó chủ nhiệm thường trực THANH TRA NHÀ NƯỚC			x	250.000	
51	Chánh thanh tra					
52	Phó chánh thanh tra thường trực BQL CÁC KIU CÔNG NGHIỆP	x	100.000	x	250.000	
53	Giám đốc					
54	Phó Giám đốc thường trực ĐẠI PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH	x	100.000		250.000	
55	Giám đốc					
56	Phó Giám đốc thường trực BAN TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN	x	100.000	x	250.000	
57	Trưởng ban					
58	Phó trưởng ban trực TRƯỜNG CHÍNH TRỊ	x	100.000	x	250.000	
59	Giám đốc					
60	Phó Giám đốc thường trực TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG	x	100.000	x	250.000	
61	Giám đốc					
62	Phó Giám đốc thường trực CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI	x	100.000	x	250.000	
	UBMT TỔ QUỐC TỈNH					
63	Chủ tịch					
64	Phó Chủ tịch trực ĐOÀN THANH NIÊN CS HCM	x	100.000	x	250.000	
65	Bí thư					
66	Phó Bí thư trực HỘI NÔNG DÂN	x	100.000	x	250.000	
67	Chủ tịch					
68	Phó Chủ tịch trực HỘI ĐỒNG LIÊN MINH CÁC HTX	x	100.000	x	250.000	
69	Chủ tịch					
70	Phó Chủ tịch thường trực	x	100.000	x	250.000	

STT	ĐƠN VỊ CHỨC DANH	DIỆN THOẠI				GHI CHÚ
		Tại nhà rông	Mức thanh toán tối đa	Di động	Mức thanh toán tối đa	
	HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ					
71	Chủ tịch			x	250.000	
72	Phó Chủ tịch trực	x	100.000			
	HỘI CỰU CHIẾN BINH					
73	Chủ tịch			x	250.000	
74	Phó Chủ tịch trực	x	100.000			
G	KHỐI HUYỆN					
	HUYỆN CÁI BÈ					
75	Bí thư huyện ủy			x	250.000	
76	Phó Bí thư thường trực			x	250.000	
77	Chủ tịch HĐND huyện			x	250.000	
78	Chủ tịch UBND huyện			x	250.000	
	HUYỆN CÁI LẬY					
79	Bí thư huyện ủy			x	250.000	
80	Phó Bí thư thường trực			x	250.000	
81	Chủ tịch HĐND huyện			x	250.000	
82	Chủ tịch UBND huyện			x	250.000	
	HUYỆN CHÂU THÀNH					
83	Bí thư huyện ủy			x	250.000	
84	Phó Bí thư thường trực			x	250.000	
85	Chủ tịch HĐND huyện			x	250.000	
86	Chủ tịch UBND huyện			x	250.000	
	HUYỆN TÂN PHƯỚC					
87	Bí thư huyện ủy			x	250.000	
88	Phó Bí thư thường trực			x	250.000	
89	Chủ tịch HĐND huyện			x	250.000	
90	Chủ tịch UBND huyện			x	250.000	
	HUYỆN CHỢ GẠO					
91	Bí thư huyện ủy			x	250.000	
92	Phó Bí thư thường trực			x	250.000	
93	Chủ tịch HĐND huyện			x	250.000	
94	Chủ tịch UBND huyện			x	250.000	
	HUYỆN GÒ CÔNG TÂY					
95	Bí thư huyện ủy			x	250.000	
96	Phó Bí thư thường trực			x	250.000	
97	Chủ tịch HĐND huyện			x	250.000	
98	Chủ tịch UBND huyện			x	250.000	
	HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG					

STT	ĐƠN VỊ CHỨC DANH	DIỆN TÍCH				GHI CHÚ
		Tại nhà riêng	Mức thanh toán tối đa	Di động	Mức thanh toán tối đa	
99	Bí thư huyện ủy			x	250.000	
00	Phó Bí thư thường trực			x	250.000	
01	Chủ tịch HĐND huyện			x	250.000	
02	Chủ tịch UBND huyện			x	250.000	
	THỊ XÃ GÒ CÔNG					
03	Bí thư Thị ủy			x	250.000	
04	Phó Bí thư thường trực			x	250.000	
05	Chủ tịch HĐND Thị xã			x	250.000	
06	Chủ tịch UBND Thị xã			x	250.000	
	THị ANH PHỐ MỸ THO					
07	Chủ tịch Thành ủy			x	250.000	
08	Phó Bí thư Thành ủy			x	250.000	
09	Chủ tịch HĐND TPMT			x	250.000	
10	Chủ tịch UBND TPMT			x	250.000	
	TỔNG CỘNG	44	4.400.000	85	21.250.000	

